

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST

Ngày: 14/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 1005/2021/HSST ngày 27/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4959/2021/QĐXXST-HS ngày 27/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huy H, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: C5/28B, Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh H và bà Đỗ Thị B; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 15/5/2019. (có mặt).

2. Trịnh Đức H1, sinh năm 1978 tại Ninh Bình; nơi thường trú: xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: 82/13Z, ấp X, xã X1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đức T và bà Nguyễn Thị N; có vợ Phạm Thị T và 02 con sinh năm 2009 và năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 09/7/1995, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Ngày 20/5/1999, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

- Ngày 14/11/2001, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Ngày 20/12/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp chung của hai bản án là 06 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2006, đến ngày 04/11/2019 và ngày 06/3/2020 mới đóng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị bắt, tạm giam ngày 06/5/2019. (có mặt).

3. Mai Ngọc L, sinh năm 1995 tại Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: thôn T, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: 23/4C N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai T và bà Phạm Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 06/5/2019. (có mặt).

4. Đỗ Văn T, sinh năm 1992 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số 7 H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân T và bà Ngô Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 15/5/2019. (có mặt).

5. Phan Phước T1, sinh năm 1994 tại Quảng Nam; nơi thường trú: Phong Nhị, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Số 66 Đường số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan B và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 15/5/2019. (có mặt).

6. Phan Minh Trọng H5, sinh năm 1994 tại Bình Định; nơi thường trú: Số 289/4 NH, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh H1 và bà Nguyễn Thị H2; có vợ Mai Phương H3, chưa có con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 67/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trịnh Đức H1. (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Phạm Lê Ngọc Th, sinh năm: 1995; trú tại: 433/10 Đường 85, Khu phố 1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị P, sinh năm: 1976; trú tại: 433/10 Đường 85, Khu phố 1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

3. Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1993; trú tại: Ấp 2B, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Trần Ngọc L, sinh năm: 1976; trú tại: 506 LD, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

2. Ông Tôn Thất T3, sinh năm 1990; trú tại: 66 Đường số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

3. Ông Trần Hoàng D, sinh năm 1996; trú tại: ấp PN, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Trần Phú U, sinh năm: 1997; trú tại: Tổ 1, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

2. Ông Lê Thanh H4, sinh năm: 1980; trú tại: 126/27/4 B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/5/2019, Phạm Lê Ngọc Th có nhu cầu xin việc làm nên tìm thông tin trên trang web muaban.net thấy số điện thoại 0932.060.777 của một người tự giới thiệu tên Nguyễn H Nam (tên thật là Đỗ Văn T) đăng tin tuyển nhân viên làm việc tại quán Karaoke. Th liên lạc với T qua zalo, thì được T hẹn tối ngày 05/5/2019 đến số nhà 70 Bình Giã, Phường 13, quận Tân Bình để trao đổi.

Khoảng 18 giờ ngày 05/5/2019, Th đến điểm hẹn, gọi điện thoại cho T. T nói Th đến quán Cà phê đối diện, địa chỉ số 49 Bình Giã. Tại đây, ngoài T còn có Nguyễn Huy H và Phan Phước T1 là bạn của T; T nói với Th làm phục vụ tại quán Karaoke từ 19 giờ đến 03 giờ thì về, Th đồng ý và đưa giấy chứng minh nhân dân để Nguyễn Huy H làm hồ sơ. Sau đó, T nói Phan Phước T1, Nguyễn Huy H dẫn Th lên xe ô tô biển số 51G - 425.60 do Tôn Thất T3 lái xe, chở Th đến tiệm Massage Trường Phát, địa chỉ số 23/4 ấp Hưng Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn (do Trịnh Đức H1 làm chủ). Trên đường đi, Th thấy đường xa nên không muốn đi nữa và muốn xuống xe đi về nhưng T1 nói Th nên nhận việc ở tiệm massage Trường Phát, nếu Th không làm, có thái độ không hợp tác thì sẽ bị T bố trí làm ở Bình Dương, Đồng Nai. Lúc này xe vẫn đang chạy, lo sợ phải

làm việc ở nơi quá xa nhà nên Th không đòi xuống xe nữa. Khi đến tiệm Massage Trường Phát, Th không đồng ý làm nhân viên massage, không chịu xuống xe đi vào tiệm thì T1 đe dọa đánh và dùng vật giống roi điện, chích vào chân trái làm bỏng chân của Th.

Do bị đe dọa, uy hiếp nên Th sợ, phải xuống xe cùng H đi vào tiệm Massage Trường Phát gặp Trịnh Đức H1. H1 đồng ý nhận Th vào làm nhân viên massage kích dục nên tự viết vào 01 tờ giấy với nội dung là Th cam kết trả phí xin việc là 9.000.000 đồng, rồi H yêu cầu Th ký vào giấy này và đưa Chứng minh nhân dân cho H1 giữ. Sau đó, H1 đưa cho H 5.000.000 đồng, rồi H, T1 và Tú đi về. Lúc này, H1 nói cho Th biết là Th đã bị nhóm của T bán cho H1 để làm nhân viên massage kích dục cho tiệm Massage Trường Phát. H1 buộc Th phải làm việc để có tiền trả dần số tiền mà H1 đã bỏ ra đưa cho T. H1 yêu cầu Th đi vào phòng ngủ của nhân viên nữ ở cuối tiệm Massage Trường Phát và yêu cầu không được đi ra khỏi tiệm, nếu muốn đi về thì phải trả lại tiền cho H1.

Khoảng 22 giờ 40 cùng ngày, Th nhắn tin cho T và gọi điện thoại cho H nhờ quay lại đón Th về nhưng không ai trả lời. Th thấy Mai Ngọc L đang ngồi ở ghế sofa gần cửa ra vào nên đến nói chuyện, khóc, năn nỉ xin L cho về vì Th chỉ xin làm phục vụ tại quán karaoke chứ không làm nhân viên massage kích dục nhưng L không đồng ý và yêu cầu Th quay lại phòng ngủ của nhân viên nữ. Sau đó, L gọi điện thoại báo cho H1 biết việc Th không đồng ý làm nhân viên massage kích dục. H1 quay lại tiệm nói với Th biết, nếu Th không muốn làm mà đi về thì phải trả 9.000.000 đồng tiền phí môi giới mà H1 đã trả cho nhóm của T, nếu không có tiền thì gọi điện cho người nhà mang tiền đến chuộc về.

Khoảng gần 00 giờ ngày 06/5/2019, Th điện thoại cho cậu là Lê Thanh Hoàn kể nội dung sự việc và nhờ báo tin cho bà Lê Thị P là mẹ của Th biết. Bà P đã liên lạc lại với Th; Th đưa điện thoại cho H1 nói chuyện với Bà P; H1 nói rõ cho Bà P biết, nếu muốn Th về thì đem 8.000.000 đồng (đã giảm 1.000.000 đồng) đến chuộc Th về. Sau khi nói chuyện với Bà P, H1 tiếp tục yêu cầu L trông chừng, quản lý không cho Th đi khỏi tiệm Massage Trường Phát đến khi nào gia đình Th mang tiền đến mới cho về. Lợi dụng trời tối, Th nhiều lần tìm cơ hội bỏ trốn nhưng thấy L ngồi canh ở quầy thu ngân, ngay gần cửa ra vào, không dám bỏ trốn. Khoảng 03 giờ ngày 06/5/2019, tiệm Massage Trường Phát nghỉ kinh doanh, khóa cửa ra vào, L ngủ ở ghế sofa gần cửa ra vào nên Th không dám bỏ trốn nên đã ngủ lại tại phòng ngủ nhân viên nữ. Sau khi biết Th đang bị bắt giữ ở tiệm Massage Trường Phát nên bà Phương đã đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc. Khoảng 12 giờ ngày 06/5/2019, bà Lê Thị P đem tiền đến tiệm Massage Trường Phát để chuộc Th về, khi L đang nhận tiền thì bị Công an bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, Mai Ngọc L khai nhận: L được nhận làm nhân viên thu ngân của tiệm Massage Trường Phát do Trịnh Đức H1 quản lý từ giữa tháng 3/2019, được H1 cho ăn ngủ lại tiệm. Từ khi vào làm, L biết tiệm massage Trường Phát có nhân viên nữ massage kích dục cho khách. Để tìm nguồn nhân viên, H1 có nhận một số nhân viên nữ do một người tên Nam (tên thật là Đỗ Văn

T) cho nhân viên dẫn đến giao làm nhân viên massage. H1 phải trả tiền môi giới cho T, tuy nhiên L không rõ cụ thể số tiền H1 phải trả cho T. Khi nhận nhân viên do nhóm của T giao đến, H1 viết 01 giấy cam kết thể hiện người đến nhận việc tự nguyện trả tiền phí xin việc với một số tiền bằng với tiền phí mà H1 trả cho nhóm của T. Giấy cam kết này dùng để khi nhân viên vào làm sẽ bị trừ lương mỗi tháng cho đến khi hết số tiền này. Nếu nhân viên chống đối, không chịu làm thì H1 buộc họ phải trả lại số tiền này hoặc liên lạc nhờ người thân mang tiền đến chuộc về. Trong thời gian chờ người mang tiền đến thì L được H1 giao nhiệm vụ canh chừng những người này, không cho đi ra khỏi tiệm Trường Phát cho đến khi H1 nhận được tiền. Khoảng 20 giờ 40 ngày 05/5/2019, L thấy Phan Phước T1, Nguyễn Huy H đi xe ô tô dẫn chị Phạm Lê Ngọc Th đến tiệm Trường Phát để giao cho H1 bố trí làm nhân viên massage kích dục. Khi H1 và H thỏa thuận thì L đi ăn cơm, không chứng kiến việc thỏa thuận nên không biết số tiền phí môi giới mà H1 phải trả để nhận Th vào làm. Sau đó, H1 bố trí cho Th ở phòng ngủ nhân viên nữ ở tầng trệt, cuối dãy nhà và có yêu cầu H1 để ý trông chừng Th, không cho đi ra khỏi tiệm Trường Phát. Khoảng 22 giờ 40 cùng ngày, Th khóc đến gặp L và nói không đồng ý làm nhân viên massage kích dục tại Trường Phát và yêu cầu được đi về nên L đã gọi điện báo cho H1 biết. H1 quay lại tiệm, nghe điện thoại của người nhà Th gọi đến xin chuộc Th về, trước khi đi về nhà, H1 yêu cầu L canh giữ Th, không cho đi khỏi tiệm cho đến khi có người mang tiền đến chuộc Th về thì mới cho về. Nếu Th muốn ăn gì thì cho người đi mua đem về chứ không cho Th đi khỏi khu vực tiệm massage Trường Phát. Trường hợp nếu Th có hành vi chống đối hay muốn tìm đường tẩu thoát thì L phải tìm cách giữ lại và báo ngay cho H1 biết. L đã yêu cầu Th quay lại phòng ngủ của nhân viên nữ, yêu cầu Th không được đi đâu đến khi người nhà chưa mang tiền đến theo sự căn dặn của H1. Khoảng 12 giờ ngày 06/5/2019, khi L đang ở tiệm massage Trường Phát nhận tiền của Bà P là mẹ của Th để chuộc Th về thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang.

Trình Đức H1 khai nhận: H1 là chủ tiệm Massage Trường Phát, Từ tháng 3/2019, H1 đã thuê Mai Văn L làm nhân viên thu ngân và bảo vệ. H1 biết Đỗ Văn T có nguồn (người nữ) xin việc làm nhân viên massage và để có nguồn nhân viên massage thay đổi nhằm thu hút khách, từ tháng 10/2018, H1 và T đã liên lạc với nhau để khi có người tìm đến xin việc thì T dẫn qua cho H1, H1 sẽ trả tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/người. Mặc dù, từ tháng 10/2018 đến nay, nhóm của T nhiều lần dẫn người có nhu cầu tìm việc đến tiệm Massage Trường Phát nhưng H1 chê xấu nên không nhận ai. Tối ngày 04/5/2019, T gửi hình ảnh 01 cô gái (Th) qua zalo cho H1, nói ngày 05/5/2019 sẽ dẫn người này đến làm nhân viên massage cho H1. Sau khi xem ảnh, H1 đồng ý nhận Th vào làm và đồng ý trả phí môi giới cho T là 8.000.000 đồng. Khoảng 20 giờ 40 ngày 05/5/2019, có 02 nhân viên của T là Phan Phước T1 và Nguyễn Huy H dẫn chị Phạm Lê Ngọc Th đến giao cho H1 nhận làm nhân viên massage. Do đã thỏa thuận trước với T nên H1 trả phí môi giới là 8.000.000 đồng nhưng do không đủ tiền nên H1 đưa trước cho H 5.000.000 đồng, số còn lại hẹn hôm sau sẽ trả đủ. H1 bố trí cho Th ở tại phòng ngủ của nhân viên nữ ở tầng trệt rồi

H1 mới đi về nhà. Trước khi đi, H1 có yêu cầu L trông chừng, quản lý Th, không cho đi khỏi tiệm Trường Phát. Sau đó, L gọi điện báo cho H1 biết là Th đòi về không đồng ý làm nhân viên massage kích dục. H1 yêu cầu Th phải trả lại 8.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 06/5/2019, khi L đang ở tiệm massage Trường Phát nhận tiền của Bà P là mẹ của Th để chuộc Th về thì bị bắt quả tang.

Ngày 15/5/2019, Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H và Phan Phước T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại Cơ quan điều tra T, H và T1 đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra, T còn khai nhận: Khoảng giữa năm 2017, Đỗ Văn T, mở mục đăng tin tuyển người làm việc tại nhà hàng Karaoke, massage trên website muaban.net, qua các số điện thoại 0932.060.777, 0973.773.389, 0932.810.888, đăng ký tài khoản zalo tên “Nguyễn Hoàng Nam” qua số 0932.060.777. Với nội dung: Bố trí việc làm phù hợp với nhu cầu, lương cao, không yêu cầu bằng cấp, trình độ, không tốn phí dịch vụ giới thiệu việc làm. Sau đó, T liên hệ với một số chủ tiệm nhà hàng karaoke, massage để thỏa thuận làm ăn với nhau bằng cách: Nếu người xin việc đồng ý, T sẽ thuê xe ô tô và cho người đi cùng để đưa người xin việc đến giao cho chủ các cơ sở massage, karaoke. Khi đồng ý nhận người, chủ tiệm sẽ phải trả phí giới thiệu cho nhóm của T, từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (tùy vào quãng đường đi). Để đảm bảo cho các chủ tiệm karaoke, massage nhận lại được tiền phí môi giới đã trả cho nhóm của T thì T và các chủ tiệm thống nhất sẽ viết giấy thể hiện người xin việc cam kết tự nguyện trả tiền phí xin việc, buộc người xin việc phải ký tên xác nhận và số tiền này được trừ vào tiền lương hàng tháng nhận được. Nếu người xin việc không đồng ý làm việc, muốn về thì phải trả lại số tiền phí đã ký cam kết thì mới được ra về, hoặc liên hệ gia đình mang tiền đến chuộc về. Trong quá trình thực hiện, T đã thuê Nguyễn Huy H và Phan Phước T1 để phụ T làm. Khi các cô gái đồng ý đi làm thì T thuê xe ô tô để chở đi đến chỗ làm. H và T1 có nhiệm vụ dẫn các cô gái xin việc đến giao cho các tiệm karaoke, massage để lấy tiền phí môi giới đem về cho T. Trên đường đi hoặc khi đến chỗ làm, nếu người xin việc đổi ý, không chịu vào làm thì T yêu cầu H và T1 bằng mọi cách ép buộc người xin việc phải vào làm việc tại các cơ sở này. Khi chủ tiệm đồng ý nhận người, chủ tiệm sẽ phải trả phí giới thiệu từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đưa cho H hoặc T1 mang về đưa cho T. T1 và H được T trả công từ 700.000 đồng đến 1.500.000 đồng/1 chuyến đi. Ngày 05/5/2019, chị Phạm Lê Ngọc Th liên hệ với T để xin việc, T sắp xếp cho Th tại tiệm massage Trường Phát, cam kết tối sẽ cho người đến đón Th về. Khi Th đồng ý, T liên hệ Tôn Thất T3 chạy xe ô tô biển số 51G - 425.60 đến chở Nguyễn Huy H và Phan Phước T1 dẫn Th đến tiệm Trường Phát giao cho Trịnh Đức H1 để nhận phí môi giới là 8.000.000 đồng. Do H1 không đủ tiền nên thỏa thuận trả trước phí môi giới là 5.000.000 đồng, nợ lại 3.000.000 đồng. T đồng ý nên H1 giao 5.000.000 đồng tiền phí môi

giới của Th cho H cầm đem về cho T, T chia cho H, T1 mỗi người 700.000 đồng, trả tiền xe 700.000 đồng cho Tú, T hưởng lợi 2.900.000 đồng.

Ngoài hành vi "Cưỡng đoạt tài sản", Nguyễn Huy H còn có hành "Cướp tài sản", cụ thể như sau:

Khoảng tháng 3/2019, thông qua mạng xã hội, Phan Thị Đ được 01 người tên Phúc (chưa rõ lai lịch) hứa hẹn giới thiệu việc làm cho Đ. Phúc hẹn gặp Đ vào lúc 10 giờ ngày 20/3/2019 tại số 904 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8. Đúng hẹn, Đ đến địa chỉ trên thì gặp Nguyễn Huy H và được H chở đến quán nước Nguyễn trên đường Tạ Quang Bửu, Quận 8 (không rõ địa chỉ) để gặp người có tên Cường (không rõ lai lịch) và Phan Minh Trọng H5. Sau khi được hứa hẹn giới thiệu việc làm ở Đồng Nai với tiền lương cao, không phí giới thiệu, Đ đồng ý. Sau đó, H5 cùng Cường dẫn Đ lên xe ô tô biển số 51G - 633.67 để H5 chở đến Quán 79, địa chỉ: khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, để Đ vào làm nhân viên massage kích dục. Trên đường đi đến đầu đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Đ thấy xa nên dùng điện thoại di động hiệu Samsung gọi cho người thân thì bị Cường giật lấy và đe dọa Đ ngồi im, không được liên lạc với ai, không được kêu cứu, nếu không sẽ bị giết. Do bị đe dọa nên Đ đã ngồi im. Khi đi đến Quán 79, Cường ép buộc Đ phải xuống xe vào làm nhân viên tại Quán 79 nhưng Đ không đồng ý. Do Đ phản ứng, không chịu vào làm nên Cường dùng tay bóp cổ Đ rồi cho biết nếu không muốn làm việc theo sự giới thiệu của bọn chúng thì phải trả tiền phí đưa đi. Đ không có tiền trả nên bị Cường nói tháo sợi dây chuyền mà Đ đang đeo đưa cho Cường. Do bị đe dọa, bị bóp cổ và không thể xuống xe ô tô nên Đ đã tháo sợi dây chuyền đưa cho Cường. Cường đưa sợi dây chuyền cho H, H5 điều khiển xe đến tiệm vàng Mỹ Ngọc, địa chỉ: khu Phước Thuận, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để H bán sợi dây chuyền được 9.681.000 đồng rồi lên xe đi. Trên đường đi đến khu vực Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, H5 dừng xe để Đ xuống. Sau đó, Đ đã đến Công an thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Huy H đã khai nhận, vào sáng ngày 20/3/2019, H được Đỗ Văn T yêu cầu đến số 904 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8 đón 01 người nữ (Đ) liên hệ xin việc. Sau đó H cùng Cường và H5 chở Đ đi đến quán 79 ở khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để làm nhân viên kích dục theo yêu cầu của T. Trên đường đi Đ có ý định không muốn làm nên Cường đã đe dọa và dùng tay bóp cổ Đ rồi lấy chiếc điện thoại di động và 01 sợi dây chuyền, đưa cho H đến tiệm vàng Mỹ Ngọc, bán sợi dây chuyền vào bán được 9.681.000 đồng. Số tiền này, H đưa cho Cường và được Cường chia 1.000.000 đồng, còn chiếc máy điện thoại di động (của Đ) Cường giữ.

Phan Minh Trọng H5 khai nhận: H5 làm tài xế, được Đỗ Văn T thuê chở Nguyễn Huy H và người có tên Cường (không rõ địa chỉ) và chị Phan Thị Đ từ Thành phố Hồ Chí Minh đi huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai, với giá thuê là 1.000.000 đồng. H5 không bàn bạc trước với H cùng T về việc sẽ đe dọa dùng

vũ lực để cướp tài sản của Đ, khi Đ không đồng ý làm nhân viên tại các quán theo chỉ đạo của T. Tuy nhiên, trên đường đi thì H5 chứng kiến việc Đ bị Cường bóp cổ cướp điện thoại di động, khi đến Quán 79 Đ không đồng ý xuống xe vào làm nhân viên thì H cùng Cường đã đe dọa dùng vũ lực ép buộc Đ tháo sợi dây chuyền đang đeo đưa cho bọn chúng để vào tiệm vàng bán. Sau đó mới cho Đ xuống xe.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 giấy tập học sinh viết tay đề ngày 06/5/2019 có ghi tên Phạm Lê Ngọc Th (kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 sợi dây chuyền vàng hình hạt châu, trọng lượng 4 chỉ 6 phân 1 ly vàng 18K, có trị giá 9.681.000 đồng (đã trả lại cho bà Phan Thị Đ);

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, có trị giá 10.000.000 đồng (của chị Phan Thị Đ), không thu hồi được;

- 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu đen, số IMEI: 866345046181527, thu giữ của Tôn Thất T3;

- 01 con dấu của cơ sở massage Trường Phát;

- 01 ổ cứng đầu ghi camera.

* Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Lê Ngọc Th đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường. Bà Phan Thị Đ, yêu cầu hoàn trả sợi dây chuyền có trị giá 9.681.000 đồng và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung trị giá 10.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-P2 ngày 23/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Huy H về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 và “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Phước T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Phan Minh Trọng H5 về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Huy H, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L, Đỗ Văn T, Phan Phước T1, Phan Minh Trọng H5 đã khai nhận về nội dung sự việc, diễn biến các hành vi như nội dung cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình, hòa nhập xã hội.

Vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại giai đoạn điều tra, các bị hại Phạm Lê Ngọc Th, Lê Thị P đều giữ nguyên các lời khai tại giai đoạn điều tra và xác nhận đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Bà Phan Thị Đ đã nhận lại sợi dây chuyền vàng, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng trị giá chiếc điện thoại di động Samsung bị chiếm đoạt, không thu hồi được. Ông Đặng Trần Nhật L yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 9.681.000 đồng là tiền đã bỏ ra mua sợi dây chuyền vàng của các bị cáo và đã bị thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích lời khai của bị cáo, cùng với các tình tiết, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Huy H về tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”; các bị cáo Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L về tội “Giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”; các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Phước T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Phan Minh Trọng H5 về tội “Không tố giác tội phạm”. Sau khi nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Huy H từ 03 đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Đức H1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Mai Ngọc L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; xử phạt Phan Phước T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 390, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Phan Minh Trọng H5 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đồng thời đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải trả lại cho bị hại số tiền Phan Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng đã chiếm đoạt, trả cho ông Đặng Trần

Nhật L số tiền 9.681.000 đồng và đề nghị xử lý các vật chứng khác theo quy định pháp luật.

Đồng thời đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải trả lại cho bị hại số tiền Phan Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng đã chiếm đoạt, trả cho ông Đặng Trần Nhật L số tiền 9.681.000 đồng và đề nghị xử lý các vật chứng khác theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nghe rõ bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi trình bày bài bào chữa cho bị cáo Trịnh Đức H1 thống nhất về tội danh và Điều luật mà Viện kiểm sát truy tố. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: về tội danh cưỡng đoạt tài sản, bị cáo H1 đã thừa nhận là chủ tiệm massage Trường Phát, thuê lại và giao cho Mai Ngọc L quản lý. Do có nhu cầu tuyển nhân viên nên H1 đã liên lạc với T để tuyển nhân viên và trả phí môi giới. Thời điểm Hùng dẫn chị Thủy đến thì H1 thỏa thuận và chị Th đồng ý làm việc tại tiệm Massage nên bị cáo chưa phạm tội. Chỉ đến khi chị Th không đồng ý ở lại làm và đòi về thì bị cáo mới yêu cầu chị Th phải trả lại số tiền 8.000.000 đồng mới cho về và đã yêu cầu L phải canh giữ, không cho Th ra khỏi tiệm. Do đó, tới thời điểm này thì hành vi phạm tội của bị cáo mới hoàn thành, mục đích bị cáo giữ Th lại chỉ nhằm để lấy lại tiền đã bỏ ra đưa cho nhóm của T trước đó. Về nhân thân, bị cáo H1 được xác định là không có tiền án, tiền sự; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hiện tại bị cáo đã bị giam giữ 02 năm 08 tháng tù, với thời gian này cũng đã đủ để giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt bằng với thời gian đã tạm giam.

Bị cáo Trịnh Đức H1 thống nhất với bài bào chữa của luật sư, không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm như đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt của bị cáo H1 khi nghị án.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị

cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định, các biên bản xác minh..., Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

[2.1] Trước hết về tội danh “Cướp tài sản” đối với bị cáo Nguyễn Huy H và tội “Không tố giác tội phạm” đối với bị cáo Phan Minh Trọng H5, kết quả điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay đã xác định được:

Khoảng 10 giờ ngày 20/3/2019, Nguyễn Huy H và đối tượng có tên Cường (chưa rõ lai lịch) đưa bà Phan Thị Đ lên xe ô tô biển số 51G – 633.67 do Phan Minh Trọng H5 chở từ Quận 8 đến “Quán 79”, địa chỉ: khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trên đường đi, H và Cường đã có hành vi đe dọa, dùng vũ lực bóp cổ Đ rồi lấy của Đào 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 trị giá 10.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng vàng. Sau đó, Hoàng yêu cầu H5 lái xe đến tiệm vàng Mỹ Ngọc ở thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai do ông Đặng Trần Nhật L làm chủ để bán sợi dây chuyền vàng được 9.681.000 đồng. Hoàng đưa cho Cường 1.000.000 đồng, số tiền còn lại thì Hoàng chiếm giữ, còn điện thoại di động của Đào thì Cường giữ và không thu hồi được. Tổng trị giá tài sản Hoàng và đối tượng tên Cường đã chiếm đoạt được là 19.681.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Huy H đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho chị Đào lâm vào tình trạng không thể chống cự được và chiếm đoạt tài sản có giá trị 19.681.000 đồng nên đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phan Minh Trọng H5 làm tài xế lái xe, biết việc H và Cường có hành vi đe dọa, bóp cổ chị Đ để chiếm đoạt tài sản của chị Đ nhưng không can ngăn và không trình báo với Cơ quan điều tra nên đã phạm vào tội “Không tố giác tội phạm”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Đỗ Văn T: H và H5 khai ngày 20/3/2019, T gọi điện cho H nói đến đưa Đ đi Đồng Nai và gọi điện cho H5 nói chở Đ đi Đồng Nai. Tuy nhiên, T khai không biết Đ, không nói H và H5 chở Đ đi, Đ cũng không gặp và trao đổi với T. Việc Hoàng và Cường có hành vi đe dọa, bóp cổ chị Đào để chiếm đoạt tài sản Tuấn không biết và không có sự bàn bạc từ trước nên không đủ căn cứ xử lý đối với Đỗ Văn T về hành vi đồng phạm trong vụ “Cướp tài sản”.

Đối với đối tượng có tên Cường có hành vi "Cướp tài sản" của Đ nhưng do chưa rõ lai lịch địa chỉ nên chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Phan Minh Trọng H5 là tài xế lái xe ô tô được Đỗ Văn T thuê chở Nguyễn Huy H, Cường và Phan Thị Đ từ Thành phố Hồ Chí Minh đi huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai với giá thuê là 1.000.000 đồng. H5 không bàn bạc trước với H, Cường và T về việc chiếm đoạt tài sản của Đ, không tham gia vào việc chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi cướp tài sản.

Đối với ông Đặng Trần Nhật Long là người đã mua sợi dây chuyền của Nguyễn Huy H nhưng không biết là do phạm tội mà có, khi cơ quan điều tra làm việc, Long đã giao nộp lại, Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[2.2] Khoảng 18 giờ ngày 05/5/2019, Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H và Phan Phước T1 đã đưa những thông tin gian dối và đe dọa, ép chị Phạm Lê Ngọc Th phải vào làm tại tiệm massage Trường Phát do Trịnh Đức H1 làm chủ để làm nhân viên massage. H đã dẫn Th đến và giao cho Trịnh Đức H1, H1 đã viết giấy ghi nội dung "Tôi tên Phạm Thị Ngọc Th, tự nguyện xin việc và đồng ý đóng phí xin việc là 9.000.000 đồng", rồi bắt Th ký tên. Sau khi Th ký vào giấy xong thì H1 đưa cho H 5.000.000 đồng, rồi H, T1 và Tú (tài xế) đi về. H1 nói cho Th biết là Thủy đã bị nhóm của T bán cho H1 để làm nhân viên massage kích dục, chị Th phải làm việc để có tiền trả lại số tiền mà H1 đã bỏ ra đưa cho nhóm của T. H1 yêu cầu chị Th đi vào phòng ngủ của nhân viên nữ ở cuối tiệm massage Trường Phát, không được đi ra khỏi tiệm, nếu muốn đi về thì phải có tiền trả cho H1. Khoảng 22 giờ 40 cùng ngày, Th thấy Mai Ngọc L đang ngồi ở ghế sofa gần cửa ra vào nên đến khóc, năn nỉ xin L cho về nhưng L không đồng ý và yêu cầu Th quay lại trong phòng. Sau đó, L gọi điện thoại báo cho H1 biết việc Th không đồng ý làm nhân viên massage kích dục, H1 quay lại tiệm nói cho Th biết, nếu Th muốn về thì phải trả 8.000.000 đồng tiền phí môi giới mà Hùng đã trả cho Tuấn trước đó. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 06/5/2019, Thủy gọi điện cho cậu là ông Lê Thanh H4 để nhờ báo tin cho mẹ ruột là bà Lê Thị P mang tiền đến chuộc. Khoảng 12 giờ ngày 06/5/2019, khi L đang ở tiệm massage Trường Phát nhận tiền của Bà P thì bị bắt quả tang.

Như vậy, Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H và Phan Phước T1 là người đã trực tiếp gặp chị Thủy, đưa chị Thủy lên xe ô tô, dẫn đến tiệm Massage Trường Phát gặp Trịnh Đức H1 và nhận từ H1 số tiền 5.000.000 đồng là tiền công giới thiệu việc làm. Tại đây, Hoàng và Hùng ép chị Thủy ký vào giấy cam kết trả phí xin việc là 9.000.000 đồng, ép Thủy phải làm việc, nếu không làm việc thì phải trả số tiền 8.000.000 đồng để được chuộc về. Hùng là người chỉ đạo Mai Ngọc L canh giữ, không cho Thủy ra khỏi tiệm Massage Trường Phát.

Với các hành vi trên, Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H, Phan Phước T1, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L đã phạm vào tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Trịnh Đức H1 và

Mai Ngọc L còn phạm thêm tội “Giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Tôn Thất T3 là người lái xe ô tô, đã chở H, T1 và Th đến tiệm massage Trường Phát, nhưng Tú không biết việc T, H và T1 đã bàn bạc để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Th nên không có căn cứ để xử lý.

[3] Hành vi phạm tội cướp tài sản của bị cáo Nguyễn Huy H; cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H, Phan Phước T1, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an xã hội. Hành vi giữ người trái pháp luật của các bị cáo Trịnh Đức H1 và Mai Ngọc L đã xâm phạm đến quyền tự do của con người. Hành vi không tố giác tội phạm của bị cáo Phan Minh Trọng H5 đã xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Tội phạm do các bị cáo gây ra đã có tác động rất xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Lần phạm tội cưỡng đoạt tài sản của bị hại Phạm Lê Ngọc Th, các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H, Phan Phước T1, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L đã có sự phân công, bàn bạc và giao nhiệm vụ từ trước, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với mỗi bị cáo về từng tội danh mà các bị cáo phạm phải và buộc bị cáo Nguyễn Huy H, Trịnh Đức H1, Mai Văn Lượng phải chịu hình phạt tổng hợp chung của nhiều tội theo Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì mới có tác rúng giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ở lần phạm tội cưỡng đoạt tài sản, bị hại Phạm Lê Ngọc Th chưa bị chiếm đoạt tài sản nên các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H, Phan Phước T1, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L phạm tội thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H, Phan Phước T1, Mai Ngọc L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng thêm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Huy H, Phan Phước T1, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm. Trong đó bị cáo Tuấn là người trực tiếp đăng thông tin quảng cáo, tuyển dụng và gặp gỡ bị hại, bị cáo Hoàng, Thiện là người trực tiếp dẫn bị hại đến tiệm Massage và ép buộc bị hại phải vào làm việc. Do đó, bị cáo Tuấn là người có vai trò chính, chỉ đạo, điều hành, Hoàng và Thiện là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Hùng, L phạm tội với vai trò thấp hơn nên cần áp dụng thêm quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm tương xứng với tính chất, vai trò của từng bị cáo.

[5] Đối với Phan Minh Trọng H5: ngày 19/6/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (bản án số 67/2019/HSST). Theo bản án này thì Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã xét xử bị cáo về hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" ở một vụ án khác xảy ra vào ngày 24/01/2019, trước thời điểm bị cáo H5 phạm tội trong vụ án này (ngày 20/3/2019). Tại thời điểm xét xử ngày 19/6/2019, bị cáo H5 chưa bị khởi tố bị can trong vụ án này (khởi tố vào ngày 12/3/2020) và hành vi phạm tội trong vụ án này có trước thời điểm xét xử trên. Hiện nay, bản án số 67/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã có hiệu lực pháp luật và bị cáo H5 đang chấp hành hình phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/6/2019).

Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Trường hợp người đang được hưởng án treo mà lại phát hiện trước khi được hưởng án treo họ đã thực hiện một tội phạm khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo. Trong trường hợp này, người phạm tội phải đồng thời chấp hành 02 bản án và việc thi hành án do các cơ quan được giao trách nhiệm thi hành án hình sự phối hợp thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự".

Như vậy, trong trường hợp này bị cáo Phan Minh Trọng H5 phải đồng thời chấp hành hình phạt của 02 bản án và việc thi hành án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong vụ án cưỡng đoạt tài sản: các bị hại Phạm Lê Ngọc Th, Lê Thị P đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc các bị cáo phải bồi thường.

- Trong vụ án cướp tài sản: Bị hại Phan Thị Đ đã nhận lại sợi dây chuyền vàng bị chiếm đoạt và chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng trị giá chiếc điện thoại di động Samsung bị chiếm đoạt, chưa thu hồi được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trần Nhật L yêu cầu được trả lại số tiền 9.681.000 đồng là tiền đã bỏ ra mua sợi dây chuyền vàng của bị cáo Hoàng.

Xét, bị cáo Nguyễn Huy H là người trực tiếp chiếm đoạt các tài sản của bị hại Đào nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tài sản đã chiếm đoạt chưa thu hồi được theo kết quả định giá tài sản. Ngoài ra, bị cáo còn phải có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Trần Nhật L số tiền mà ông Long đã bỏ ra để mua sợi dây chuyền vàng của bị cáo (do ông Long đã nộp lại để trả lại cho bà Đào và bị thiệt hại). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải bồi thường cho bà Phan Thị

Đ số tiền 10.000.000 đồng, trả cho ông Đặng Trần Nhật L số tiền 9.681.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với: 01 giấy tập học sinh viết tay đề ngày 06/5/2019 có ghi tên Phạm Lê Ngọc Th; 01 USB ghi lại hình ảnh bị cáo Nguyễn Huy H bán vàng tại tiệm vàng Mỹ Ngọc. Đây là các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu đen thu giữ của Tôn Thất T3 không liên quan đến hành vi phạm tội và không phải là tài sản do phạm tội mà có nên trả lại cho ông Tôn Thất T3.

- Đối với: 01 con dấu của cơ sở massage Trường Phát và 01 ổ cứng đầu ghi camera là tài sản của Công ty TNHH Y học cổ truyền Massage Trường Phát do ông Trần Hoàng D là đại diện theo pháp luật nên trả lại cho ông Trần Hoàng D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Phước T1 02 năm 10 (mười) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Huy H 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2019.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Đức H1 01 (một) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2019.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2017 xử phạt bị cáo Mai Ngọc L 01 (một) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2019.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Phan Minh Trọng H5 09 (chín) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Huy H, Trịnh Đức H1, Mai Ngọc L, Đỗ Văn T, Phan Phước T1 không phải bồi thường cho bà Phạm Lê Ngọc Th và Lê Thị P.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải bồi thường cho bà Phan Thị Đ số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng và phải trả cho ông Đặng Trần Nhật L số tiền 9.681.000 (chín triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho ông Tôn Thất T3: 01 điện thoại đi động hiệu Huawei màu đen, số IMEI: 866345046181527, thu giữ của Tôn Thất T3 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện).

- Trả cho ông Trần Hoàng D: 01 con dấu của cơ sở massage Trường Phát và 01 ổ cứng đầu ghi camera.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2021/150 ngày 25/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: đối với các vật chứng là USB và 01 giấy tập học sinh viết tay đề ngày 06/5/2019 có ghi tên Phạm Lê Ngọc Th.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Huy H phải chịu 984.050 (chín trăm tám mươi nghìn không trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- Bị cáo; (6)
- Trại giam; (5)
- Phòng THA-HS; (6)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (6)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (9)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (P/44) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn